

QUẢN LÝ THỂ DIỆN (FACEWORK) TRONG THUYẾT TRÌNH TIẾNG HÀN: LỖI PHỔ BIẾN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Hà Thị Thu Dân
Trường Đại học Thành Đông
Email: hathudan0903@gmail.com

Tóm tắt: Quản lý thể diện (facework) trong thuyết trình tiếng Hàn là yếu tố quan trọng trong việc duy trì sự tôn trọng và kết nối với khán giả, đặc biệt trong văn hóa Hàn Quốc, nơi các giá trị về kính ngữ và tôn trọng là cốt lõi. Tuy nhiên, sinh viên học tiếng Hàn thường gặp phải một số lỗi phổ biến trong việc quản lý thể diện khi thuyết trình, bao gồm việc thiếu kính ngữ, không lắng nghe hoặc tương tác đúng với khán giả, và không linh hoạt trong việc điều chỉnh phong cách giao tiếp. Những lỗi này có thể làm giảm hiệu quả và thành công của buổi thuyết trình, ảnh hưởng đến ấn tượng của người nghe. Bài viết phân tích các lỗi phổ biến trong quản lý thể diện và đề xuất các khuyến nghị nhằm cải thiện kỹ năng thuyết trình, bao gồm việc sử dụng đúng kính ngữ, tăng cường tương tác với khán giả, và linh hoạt trong giao tiếp để duy trì sự tôn trọng và thể diện. Các giải pháp giúp sinh viên học tiếng Hàn cải thiện khả năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả hơn.

Từ khóa: quản lý thể diện, thuyết trình tiếng Hàn, kính ngữ, giao tiếp, tương tác.

FACEWORK MANAGEMENT IN KOREAN LANGUAGE PRESENTATIONS: COMMON ERRORS AND RECOMMENDATIONS

Ha Thi Thu Dan
Thanh Dong University
Email: hathudan0903@gmail.com

Abstract: Facework in Korean presentations plays a crucial role in maintaining respect and connection with the audience, especially in Korean culture, where the values of honorifics and respect are central. However, Korean language learners often encounter common errors in facework, including improper use of honorifics, failing to interact or empathize with the audience, and being inflexible in adjusting communication styles. These mistakes can reduce the effectiveness and success of a presentation, affecting the impression on the audience. This article analyzes the common errors in facework during Korean presentations and offers recommendations for improving presentation skills, including correct use of honorifics, enhancing audience interaction, and being flexible in communication. These solutions aim to help Korean language learners improve their communication and presentation skills.

Keywords: facework, Korean presentations, honorifics, communication, interaction.

Nhận bài: 18/07/2025

Phản biện: 16/08/2025

Duyệt đăng: 20/08/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong giao tiếp, khái niệm thể diện (face) đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự tôn trọng và hình ảnh cá nhân. Theo lý thuyết “Face Negotiation Theory” của Stella Ting-Toomey (1985), việc quản lý thể diện (facework) là một chiến lược giao tiếp nhằm bảo vệ và duy trì thể diện của bản thân và người khác trong các tình huống giao tiếp. Điều này đặc biệt quan trọng trong văn hóa Hàn Quốc, nơi các giá trị về tôn trọng và kính ngữ được đặt lên hàng đầu.

Trong môi trường học thuật, việc thuyết trình là một hình thức giao tiếp phổ biến, đòi hỏi người thuyết trình phải nắm vững các kỹ năng giao tiếp, trong đó có khả năng quản lý thể diện. Tuy nhiên, sinh viên Việt Nam học tiếng Hàn thường gặp phải những lỗi phổ biến khi thuyết trình, như sử dụng không đúng kính ngữ, thiếu sự đồng cảm với khán giả, và không linh hoạt trong giao tiếp. Những lỗi này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả buổi thuyết trình và gây ấn tượng không tốt với người nghe.

Nghiên cứu của Chun (2021) cho thấy rằng việc sử dụng sai kính ngữ và thiếu sự linh hoạt trong giao tiếp là những lỗi phổ biến mà người học tiếng Hàn gặp phải. Bài viết này sẽ phân tích các lỗi phổ biến trong việc quản lý thể diện khi thuyết trình tiếng Hàn và đề xuất các khuyến nghị nhằm cải thiện kỹ năng thuyết trình cho sinh viên Việt Nam.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, với sự kết hợp giữa phân tích nội dung và nghiên cứu trường hợp để khảo sát các lỗi phổ biến trong việc quản lý thể diện khi thuyết trình tiếng Hàn. Cụ thể, nghiên cứu được thực hiện qua ba giai đoạn chính:

(i) Thu thập dữ liệu thực tế: Dữ liệu được thu thập từ các buổi thuyết trình tiếng Hàn của sinh viên Việt Nam tại các trường đại học, thông qua video ghi lại các buổi thuyết trình và các cuộc phỏng vấn với giảng viên. Các sinh viên sẽ được

yêu cầu thuyết trình về một chủ đề có sẵn, sau đó sẽ có các cuộc phỏng vấn về quá trình chuẩn bị và phản hồi sau buổi thuyết trình.

(ii) Phân tích nội dung: Dữ liệu thu thập được từ các video và phỏng vấn sẽ được phân tích nội dung theo các tiêu chí về quản lý thể diện trong thuyết trình, bao gồm việc sử dụng kính ngữ (존댓말), khả năng linh hoạt trong phong cách giao tiếp, và mức độ tương tác với khán giả. Phân tích này giúp nhận diện các lỗi phổ biến trong việc duy trì thể diện trong quá trình thuyết trình.

(iii) Phân tích tình huống thực tế và phản hồi: Để có cái nhìn sâu sắc hơn về các vấn đề thực tế mà sinh viên gặp phải trong việc quản lý thể diện, nghiên cứu cũng thu thập ý kiến từ các giảng viên và sinh viên qua bảng khảo sát. Bảng khảo sát này được thiết kế để xác định mức độ nhận thức của sinh viên về việc quản lý thể diện khi thuyết trình, và các chiến lược họ sử dụng để duy trì thể diện trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

Các kết quả thu được sẽ được đối chiếu với các lý thuyết về Facework của Goffman (1955) và Face Negotiation Theory của Ting-Toomey (1985), từ đó đưa ra các khuyến nghị để cải thiện kỹ năng thuyết trình và quản lý thể diện cho sinh viên học tiếng Hàn.

2.1. Khái niệm quản lý thể diện (Facework)

Khái niệm quản lý thể diện (facework) được Erving Goffman (1955) giới thiệu trong lý thuyết “Facework Theory”, nơi ông định nghĩa thể diện là hình ảnh cá nhân mà mỗi người muốn duy trì trong các tình huống giao tiếp. Goffman cho rằng trong mỗi cuộc giao tiếp, mỗi cá nhân đều cố gắng bảo vệ thể diện của mình và của đối phương. Quá trình này được gọi là facework và bao gồm các chiến lược nhằm bảo vệ và duy trì thể diện qua các hành động giao tiếp, như việc sử dụng ngôn ngữ, hành vi phi ngôn ngữ, và các tín hiệu xã hội khác (Goffman, 1955). Đặc biệt, Goffman phân chia thể diện thành self-face (thể diện của bản thân) và other-face (thể diện của người khác), và mỗi người giao tiếp đều phải đối mặt với thách thức giữ gìn sự tôn trọng và quyền lợi của mình đồng thời bảo vệ thể diện của người khác.

Ting-Toomey (1985), trong Face Negotiation Theory của mình, mở rộng lý thuyết của Goffman và giải thích rằng quản lý thể diện không chỉ là

hành động cá nhân mà còn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi yếu tố văn hóa. Trong các nền văn hóa hướng về sự cộng đồng như Hàn Quốc, việc duy trì thể diện là một trách nhiệm không chỉ của cá nhân mà còn của nhóm. Theo Ting-Toomey, các chiến lược facework có thể thay đổi tùy theo sự khác biệt trong các giá trị văn hóa của từng xã hội. Văn hóa Hàn Quốc, với sự tôn trọng sâu sắc đối với các quy tắc xã hội và tuổi tác, đòi hỏi người thuyết trình phải sử dụng kính ngữ (존댓말) và các biểu hiện lịch sự để bảo vệ thể diện của cả người thuyết trình và khán giả.

Trong thuyết trình tiếng Hàn, việc áp dụng đúng các chiến lược facework đóng vai trò quan trọng, đặc biệt trong việc duy trì sự tôn trọng và bảo vệ thể diện giữa người thuyết trình và người nghe. Việc sử dụng kính ngữ đúng mức không chỉ giúp người thuyết trình thể hiện sự kính trọng mà còn giúp xây dựng một môi trường giao tiếp hiệu quả và văn minh, đặc biệt khi giao tiếp với đối tượng có vị trí xã hội cao hơn hoặc người lớn tuổi.

2.2. Những lỗi phổ biến trong quản lý thể diện khi thuyết trình tiếng Hàn

Thứ nhất, lỗi sử dụng kính ngữ không đúng. Trong tiếng Hàn, việc sử dụng kính ngữ (존댓말) là rất quan trọng để thể hiện sự tôn trọng trong giao tiếp, đặc biệt khi thuyết trình trước đối tượng có vị trí cao hơn hoặc người lớn tuổi. Lỗi phổ biến là không sử dụng đúng cấp độ kính ngữ, dẫn đến việc người thuyết trình có thể vô tình làm mất thể diện của người nghe. Nghiên cứu của Kim và Cho (2022) chỉ ra rằng sinh viên quốc tế thường gặp khó khăn trong việc phân biệt các cấp độ kính ngữ trong tiếng Hàn, điều này có thể gây ra sự thiếu tôn trọng và ảnh hưởng đến mối quan hệ giao tiếp.

Thứ hai, lỗi thiếu sự đồng cảm và tương tác với khán giả. Việc lắng nghe và phản hồi khán giả là một yếu tố quan trọng trong việc duy trì sự tôn trọng và kết nối trong giao tiếp. Tuy nhiên, nhiều sinh viên khi thuyết trình thiếu sự tương tác với khán giả, chỉ tập trung vào việc phát biểu một chiều. Điều này có thể làm cho khán giả cảm thấy bị bỏ qua và không được tôn trọng. Hwang (2022) nhấn mạnh rằng sự thiếu đồng cảm và thiếu tương tác có thể làm giảm hiệu quả thuyết trình, khi người thuyết trình không tạo cơ hội để khán giả tham gia hoặc thể hiện sự quan tâm.

Thứ ba, lỗi không linh hoạt trong phong cách

giao tiếp. Trong thuyết trình, việc sử dụng phong cách giao tiếp phù hợp với từng đối tượng là rất quan trọng. Người thuyết trình cần biết thay đổi cách thức giao tiếp sao cho phù hợp với từng đối tượng người nghe, đặc biệt là khi đối diện với khán giả có các đặc điểm văn hóa khác nhau. Việc không linh hoạt trong phong cách giao tiếp có thể gây ấn tượng không tốt và tạo ra khoảng cách giữa người thuyết trình và khán giả. Lee và cộng sự (2021) chỉ ra rằng sự thiếu linh hoạt trong việc thay đổi phong cách giao tiếp có thể ảnh hưởng đến khả năng kết nối và duy trì thể diện trong giao tiếp.

Thứ tư, lỗi không xử lý tình huống khó khăn với khán giả một cách tôn trọng. Một lỗi quan trọng khác là khi người thuyết trình gặp phải câu hỏi hoặc ý kiến phản biện từ khán giả nhưng không biết cách phản hồi một cách lịch sự và tôn trọng. Việc không xử lý tình huống này đúng cách có thể gây tổn thương thể diện của cả người thuyết trình và khán giả. Nghiên cứu của Hwang (2022) cho thấy rằng việc thiếu khả năng đối phó với tình huống khó khăn có thể làm mất đi sự tôn trọng và gây xung đột trong giao tiếp.

Thứ năm, lỗi sử dụng ngôn ngữ phức tạp hoặc không chính xác. Việc sử dụng ngôn ngữ quá phức tạp hoặc không chính xác là một lỗi khá phổ biến trong thuyết trình. Sinh viên khi thuyết trình đôi khi sử dụng các từ ngữ hoặc cấu trúc câu khó hiểu, khiến người nghe khó tiếp cận và hiểu thông tin. Điều này không chỉ gây mất thể diện của người thuyết trình mà còn làm giảm hiệu quả truyền đạt thông điệp. Kim và Cho (2022) nhấn mạnh rằng việc sử dụng ngôn ngữ không rõ ràng hoặc không chính xác là một trong những yếu tố khiến buổi thuyết trình không hiệu quả và có thể gây hiểu lầm.

2.3. Khuyến nghị để cải thiện quản lý thể diện trong thuyết trình tiếng Hàn

Nâng cao kỹ năng sử dụng kính ngữ một cách chính xác. Kính ngữ là yếu tố quan trọng trong thuyết trình tiếng Hàn, giúp thể hiện sự tôn trọng đối với khán giả. Để cải thiện quản lý thể diện, người thuyết trình cần nắm vững các cấp độ kính ngữ và sử dụng chúng một cách phù hợp với đối tượng và tình huống giao tiếp. Điều này không chỉ giúp người thuyết trình duy trì thể diện mà còn tạo sự tôn trọng đối với khán giả. Việc luyện tập và thực hành thường xuyên qua các tình huống giao

tiếp thực tế sẽ giúp người thuyết trình có thể phản ứng linh hoạt và chính xác hơn.

Tăng cường khả năng giao tiếp tương tác với khán giả. Một trong những yếu tố quan trọng trong quản lý thể diện là tạo ra sự kết nối giữa người thuyết trình và khán giả. Thay vì chỉ phát biểu một chiều, người thuyết trình nên chủ động tương tác với khán giả bằng cách đặt câu hỏi, lắng nghe phản hồi và tạo không gian cho khán giả tham gia vào bài thuyết trình. Điều này không chỉ giúp duy trì sự chú ý của người nghe mà còn tạo ra một bầu không khí tôn trọng và thân thiện, giúp bảo vệ thể diện của cả hai bên.

Linh hoạt trong phong cách giao tiếp. Để thuyết trình hiệu quả và duy trì thể diện, người thuyết trình cần phải linh hoạt trong việc điều chỉnh phong cách giao tiếp của mình. Với những khán giả trẻ tuổi, người thuyết trình có thể áp dụng phong cách giao tiếp gần gũi, sử dụng từ ngữ dễ hiểu và tạo sự gần gũi. Trong khi đó, đối với những khán giả có vị trí xã hội cao hơn, người thuyết trình cần giữ sự nghiêm túc và lịch sự hơn trong cách nói và thái độ. Việc thay đổi phong cách giao tiếp này sẽ giúp người thuyết trình duy trì sự tôn trọng và thể diện cho cả bản thân và khán giả.

Chuẩn bị kỹ lưỡng và tự tin trong xử lý tình huống khó khăn. Trong mỗi buổi thuyết trình, việc gặp phải các câu hỏi hoặc phản hồi từ khán giả là điều không thể tránh khỏi. Để bảo vệ thể diện, người thuyết trình cần phải chuẩn bị kỹ lưỡng để đối phó với các tình huống khó khăn, chẳng hạn như câu hỏi khó hoặc ý kiến phản biện. Thay vì lo lắng hay phòng thủ, người thuyết trình nên xử lý tình huống với thái độ tôn trọng, thừa nhận sự khác biệt và giải thích rõ ràng. Điều này không chỉ bảo vệ thể diện mà còn giúp xây dựng lòng tin và sự tôn trọng từ khán giả.

Sử dụng ngôn ngữ rõ ràng và dễ hiểu. Người thuyết trình cần chú trọng đến việc sử dụng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu và tránh các từ ngữ hoặc cấu trúc câu quá phức tạp. Việc sử dụng ngôn ngữ rõ ràng không chỉ giúp khán giả dễ dàng tiếp nhận thông tin mà còn tránh việc người thuyết trình mắc phải những sai lầm trong cách truyền đạt thông điệp. Sự dễ hiểu trong ngôn ngữ sẽ giúp duy trì thể diện của người thuyết trình và bảo vệ khán giả khỏi cảm giác bị bỏ qua hoặc không được tôn trọng.

III. KẾT LUẬN

Quản lý thể diện trong thuyết trình tiếng Hàn đóng vai trò then chốt trong việc tạo dựng mối quan hệ tôn trọng giữa người thuyết trình và khán giả. Việc sử dụng kính ngữ đúng mức, khả năng giao tiếp linh hoạt và sự tương tác phù hợp với người nghe không chỉ là yếu tố để duy trì thể diện, mà còn giúp thuyết trình viên tạo ra một môi trường giao tiếp hiệu quả và thành công. Tuy nhiên, những lỗi phổ biến như sử dụng kính ngữ không chính xác, thiếu sự đồng cảm với khán giả và thiếu linh hoạt trong giao tiếp vẫn là những thách thức lớn mà người học tiếng Hàn thường

gặp phải. Những lỗi này không chỉ làm giảm hiệu quả truyền đạt thông tin mà còn có thể tạo ra khoảng cách giữa người thuyết trình và khán giả, ảnh hưởng đến ấn tượng cuối cùng. Các khuyến nghị đưa ra như việc nâng cao kỹ năng sử dụng kính ngữ, tăng cường khả năng giao tiếp tương tác và chuẩn bị kỹ lưỡng trong các tình huống khó khăn, đều nhằm cải thiện kỹ năng thuyết trình và giúp người học tiếng Hàn duy trì thể diện trong các cuộc giao tiếp. Để đạt được điều này, người thuyết trình cần có sự luyện tập, học hỏi và áp dụng các chiến lược giao tiếp một cách có hệ thống và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chun, J. (2021). *Corpus-informed application based on Korean Learners' Corpus*. Springer Open. <https://sfleducation.springeropen.com/articles/10.1186/s40862-021-00112-7>
- Goffman, E. (1955). *Interaction ritual: Essays on face-to-face behavior*. Pantheon Books.
- Hwang, J. Y. (2022). Cultural exchange as a motivator in language learning: Korean language acquisition among Southeast Asian students. *Language and Culture*, 34(4), 102-118.
- Kim, H.-J., & Cho, S.-J. (2022). The impact of extracurricular activities on Korean language learning motivation. *Journal of Language, Identity & Education*, 22(6), 559-573.
- Lee, S. H., Kim, H.-J., & Han, Y. (2021). The role of structured learning environments in Korean language acquisition: A study of Vietnamese students. *Asian Language Education Journal*, 15(2), 134-146.
- Ting-Toomey, S. (1985). *Face negotiation theory*. In W. Gudykunst & Y. Kim (Eds.), *Theories of international and intercultural communication* (pp. 211-235). Sage.